

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 463/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Phạm Thị Ngọc Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: 014 Chung cư A 2, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người yêu cầu: Ông Lê Minh V, sinh năm 1988; Địa chỉ: 014 Chung cư A 2, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 1/2008 ngày 04/02/2008 của Ủy ban nhân dân Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Ngọc Q và ông Lê Minh V là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà chung sống với nhau từ năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 1/2008 ngày 04/02/2008). Sau khi kết hôn, hai bên chung sống tại Phường 7, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai bên chung sống đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hai bên đã ly thân từ tháng 3/2018 cho đến nay. Nay, ông bà nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Có 02 con chung: Lê Vũ Minh C, sinh ngày 18/02/2009 và Lê Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2011. Hai bên thỏa thuận bà Phạm Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi 02 con chung Lê Vũ Minh C và Lê Vũ Minh K và ông Vũ không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị Ngọc Q và ông Lê Minh V cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc Q và ông Lê Minh V thuận tình ly hôn (Bà Phạm Thị Ngọc Q và ông Lê Minh V đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 1/2008 ngày 04/02/2008 của Ủy ban nhân dân Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Có 02 con chung: Lê Vũ Minh C, sinh ngày 18/02/2009 và Lê Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2011. Hai bên thỏa thuận bà Phạm Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi 02 con chung Lê Vũ Minh C và Lê Vũ Minh K. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Minh V do bà Phạm Thị Ngọc Q chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Lê Minh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Phạm Thị Ngọc Q và ông Lê Minh V chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Phạm Thị Ngọc Q và ông Lê Minh V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0030453 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- UBND Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc